

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 338/2018/DS-PT

Ngày: 17/10/2018

V/v tranh chấp: “*Yêu cầu chấm dứt hành vi cản trở trái pháp luật đối với việc thực hiện quyền sử dụng đất*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lưu Thị Thu Thủy

Các Thẩm phán: + Ông Huỳnh Văn Ngoan

+ Ông Phan Văn Huyện

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Mỹ Nhanh – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Cẩm Thúy - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 10 và 17 tháng 10 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang, xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 220/2018/TLPT-DS ngày 13/9/2018 về việc tranh chấp: “*Yêu cầu chấm dứt hành vi cản trở trái pháp luật đối với việc thực hiện quyền sử dụng đất*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 115/2018/DS-ST ngày 28/6/2018 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 276/2018/QĐ-PT ngày 14/9/2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn:

- Anh Nguyễn Thanh P, sinh năm 1977, (có mặt);

Địa chỉ: Tổ 1, ấp A, xã Đ, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

- Chị Lê Thị Mỹ D, sinh năm 1982, (có mặt);

Địa chỉ: Ấp C, xã L, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế.

2. Bị đơn:

- Ông Hứa Văn D, sinh năm 1950, (vắng mặt);

- Bà Nguyễn Thị Hồng H, sinh năm 1959, (có mặt);

Người đại diện theo ủy quyền của ông D:

Bà Nguyễn Thị Hồng H, sinh năm 1959, (có mặt);

Địa chỉ: Ấp H, xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

(Theo văn bản ủy quyền ngày 29/5/2018).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà H: Luật sư Nguyễn Văn D – Văn phòng luật sư D – Đoàn luật sư tỉnh Tiền Giang, (có mặt).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Anh Hứa Văn S, sinh năm 1984, (vắng mặt);

- Chị Nguyễn Thị Q, sinh năm 1985, (vắng mặt);

- Chị Hứa Thị Hồng N, sinh năm 1999, (vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp H, xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của anh S, chị Q, chị N:

Bà Nguyễn Thị Hồng H, sinh năm 1959, (có mặt);

Địa chỉ: Ấp H, xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

(Theo văn bản ủy quyền ngày 09/10/2018).

4. Người kháng cáo: Bị đơn – Bà Nguyễn Thị Hồng H.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo án sơ thẩm:

**Nguyên đơn – anh Nguyễn Thanh P và chị Lê Thị Mỹ D trình bày:* Anh chị có thửa đất số 400, tờ bản đồ số 19, diện tích 6.731,5 m², tọa lạc tại ấp H, xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang, do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tiền Giang cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 04/5/2016. Nguồn gốc phần đất do anh chị sang nhượng của gia đình ông Hứa Văn D vào năm 2015. Thời điểm giao đất, trên đất có mộ cha mẹ ông D gồm một nhà mồ, bên trong có một ngôi mộ và một ngôi mộ riêng lẻ nằm bên ngoài nhà mồ. Theo thỏa thuận, anh chị giữ lại số tiền mua đất là bốn trăm triệu đồng để đến thanh minh năm 2017 (tháng 3/2017) gia đình ông D phải di dời mồ mả ra khỏi thửa đất nêu trên nhưng đến hạn gia đình ông D không thực hiện. Khi anh chị tiến hành thi công xây dựng hàng rào quanh khu đất, gia đình ông D ra ngăn cản không cho nên anh chị khởi kiện. Trong thời gian chờ Tòa án giải quyết, phía gia đình ông D đã tự ý di dời một ngôi mộ riêng lẻ vào chung nhà mồ có diện tích 14,1m² và trồng 42 cây Mít xung quanh nhà mồ, hiện các cây Mít này đã chết.

Nay anh chị yêu cầu hộ gia đình ông D chấm dứt hành vi cản trở trái pháp luật đối với việc thực hiện quyền sử dụng thửa đất trên. Anh chị đồng ý giữ nguyên hiện trạng nhà mồ với tổng diện tích 14,1m² và tự nguyện trả cho gia đình ông D số tiền 400.000.000 đồng ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

**Bị đơn – bà Nguyễn Thị Hồng H đồng thời là đại diện theo ủy quyền của ông Hứa Văn D trình bày:* Vào ngày 18/02/2015, anh P có ký hợp đồng đặt cọc số tiền 50.000.000 đồng với ông D, hai bên thỏa thuận chuyển nhượng quyền sử dụng đất với giá 335.000.000 đồng/1.000m². Sau khi đo đạc thực tế và hoàn thành thủ tục công chứng sẽ thanh toán 350.000.000 đồng, số tiền còn lại thanh toán trong vòng 6 tháng. Khi hoàn tất xong thủ tục, gia đình bà đã thực hiện đúng thỏa thuận. Vợ chồng anh P được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng còn giữ lại 400.000.000 đồng. Ngoài ra kèm theo hợp đồng đặt cọc, hai bên còn thỏa thuận gia đình bà tiếp tục canh tác phần đất trên từ một đến hai năm, trong vòng một năm nếu vợ chồng anh P mua được đất của ông D Nhựt Tân chia lại cho ông D theo giá thương lượng thì gia đình ông D sẽ di dời mộ, nhưng vợ chồng anh P không mua đất của ông Tân chia lại đất cho gia đình bà như đã thỏa thuận.

Nay bà không đồng ý theo yêu cầu của nguyên đơn. Bà yêu cầu vợ chồng anh P thực hiện đúng thỏa thuận, mua đất của ông Tân và chia cho gia đình bà để di dời mộ. Nếu không thực hiện thì yêu cầu hủy một phần hợp đồng chuyển nhượng và giao cho bà một phần diện tích đất tương đương số tiền 400.000.000 đồng mà vợ chồng anh P chưa thanh toán.

**Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – anh Hứa Văn S, chị Hứa Thị Hồng N, chị Nguyễn Thị Q đã được Tòa án tổng đạt giấy triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không lý do. Tuy nhiên có tờ tự khai cùng trình bày thống nhất với ý kiến và yêu cầu của bà H.*

**Tại bản án dân sự sơ thẩm số 115/2018/DS-ST ngày 28/6/2018 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang đã quyết định:*

Áp dụng khoản 2 Điều 227, Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự; điều 169 của Bộ luật dân sự;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Thanh P và chị Lê Thị Mỹ D.

Buộc hộ ông Hứa Văn D, bà Nguyễn Thị Hồng H, anh Hứa Văn S, chị Nguyễn Thị Q, chị Hứa Thị Hồng N chấm dứt hành vi cản trở quyền sử dụng thửa đất số 400, tờ bản đồ số 19, diện tích 6.731,5m² tọa lạc tại ấp H, xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang đã được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tiền Giang cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 04/5/2016 cho anh P, chị D.

Ghi nhận sự tự nguyện của anh Nguyễn Thanh P và chị Lê Thị Mỹ D giữ nguyên hiện trạng nhà mồ tổng diện tích 14,1 m² nằm trên thửa đất số 400, tờ bản đồ số 19, diện tích 6.731,5 m² tọa lạc tại ấp H, xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Ghi nhận sự tự nguyện của anh Nguyễn Thanh P và chị Lê Thị Mỹ D trả cho ông Hứa Văn D, bà Nguyễn Thị Hồng H, anh Hứa Văn S, chị Nguyễn Thị Q, chị Hứa Thị Hồng N 400.000.000 đồng khi án có hiệu lực pháp luật.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên phần án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định.

Tại Quyết định sửa chữa, bổ sung bản án số 14a/2018/QĐ-SCBSBA ngày 29/6/2018 của Tòa án nhân dân huyện C đã quyết định:

“Bổ sung bản án số 115/2018/DSST ngày 28 tháng 6 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện C như sau:

Bổ sung tại dòng thứ 8 từ dưới lên, trang 1 của bản án nội dung: “(Ông Hứa Văn D ủy quyền cho bà Nguyễn Thị Hồng H theo văn bản ủy quyền ngày 29/5/2018. Anh P, chị D, bà H có mặt tại phiên tòa, anh S, chị Q, chị N vắng mặt)”.

Bổ sung tại dòng thứ 22 từ trên xuống, trang 6 của bản án nội dung: “Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án chưa thi hành xong số tiền phải thi hành thì phải chịu thêm lãi suất theo quy định tại khoản 2, điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền chậm trả tại thời điểm thi hành án”.

Ngày **10/7/2018**, bị đơn Nguyễn Thị Hồng H có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, hủy bản án sơ thẩm vì yêu cầu khởi kiện không đúng quan hệ tranh chấp.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; bị đơn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo; các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Luật sư phát biểu ý kiến tranh luận bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Nguyễn Thị Hồng H yêu cầu Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị Hồng H, hủy bản án sơ thẩm bởi các lý do sau:

- Mặc dù Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tiền Giang đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho anh P và chị D nhưng trên thực tế có thỏa thuận giữa các bên theo hợp đồng ngày 18/02/2015. Anh P không thực hiện đúng thỏa thuận này, trả tiền không đúng hẹn, đưa tiền nhiều lần, vì vậy bà H mới quản lý khoảng 1,2 công đất tương đương số tiền 400.000.000 đồng anh P còn giữ lại.

- Bà H ngăn cản không cho anh P dọn dẹp, cải tạo đất là đúng vì căn cứ vào thỏa thuận ngày 18/02/2015 thì bà H chưa giao phần đất khoảng 1,2 công

cho anh P, hai bên vẫn còn phát sinh tranh chấp quyền sử dụng đất nên chưa thể giải quyết hành vi ngăn cản thực hiện quyền sử dụng đất của chủ sử dụng.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án: Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp chưa đúng và chưa giải quyết triệt để vụ án. Để đảm bảo quyền lợi của các bên đương sự, đảm bảo nguyên tắc xét xử hai cấp, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, hủy bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa; nghe quan điểm của Luật sư và Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

Theo các bên đương sự trình bày vào năm 2015, anh Nguyễn Thanh P và chị Lê Thị Mỹ D có nhận chuyển nhượng của gia đình ông D gồm ông Hứa Văn D, bà Nguyễn Thị Hồng H, anh Hứa Văn S, chị Hứa Thị Hồng N và chị Nguyễn Thị Q thửa đất số 400, tờ bản đồ 19, diện tích 6.731,5m², loại đất ở nông thôn và đất trồng cây lâu năm, tọa lạc tại ấp H, xã Hậu Mỹ Bắc, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Ngày 04/5/2016, anh P, chị D đã được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tiền Giang cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CD 459849, vào sổ cấp GCN: CS03909 đối với thửa đất nêu trên.

Ngày 17/01/2017, anh P tiến hành thi công xây dựng hàng rào trên thửa đất này thì bị gia đình ông D ngăn cản không cho làm. Anh P có trình báo với chính quyền địa phương và Công an xã lập biên bản cho tạm dừng việc thi công. Theo anh P trình bày việc cản trở này của gia đình ông D đã làm ảnh hưởng đến kế hoạch tài chính của gia đình anh.

Ngày 04/7/2017, anh P, chị D nộp đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc gia đình ông D phải chấm dứt hành vi cản trở trái pháp luật việc thực hiện quyền sử dụng đất của anh chị đối với thửa đất số 400, tờ bản đồ 19, đồng thời buộc gia đình ông D phải di dời mồ mả ông bà để trả lại cho anh chị khoảng 20m² đất trong thửa đất số 400 nêu trên.

Ngày 23/4/2018, anh P và chị D có đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện, yêu cầu ông D và các thành viên trong hộ phải chấm dứt hành vi cản trở trái pháp luật đối với việc thực hiện quyền sử dụng đất của anh P và chị D. Anh chị tự

nguyên giao trả cho ông D, bà H số tiền mua đất còn lại là 400.000.000 đồng và đồng ý giữ nguyên hiện trạng nhà mồ trên thửa đất này, không buộc gia đình ông D phải di dời.

Quá trình giải quyết vụ án, ông D, bà H thừa nhận khi anh P và chị D tiến hành thi công xây dựng trên thửa đất này thì gia đình ông D ngăn cản không cho xây dựng phần đất gần khu mộ và dùng lưới B40, trụ đá có S trên đất của anh P, chị D để tự phân ranh giới. Trong quá trình giải quyết vụ án, ông D, bà H không có yêu cầu phản tố; anh S, chị N và chị Q không có yêu cầu độc lập về việc tranh chấp quyền sử dụng đất hoặc tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất. Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án này là tranh chấp “yêu cầu chấm dứt hành vi cản trở trái pháp luật đối với việc thực hiện quyền sử dụng đất” là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 169 Bộ luật dân sự năm 2015.

Tại phiên tòa, bà H thừa nhận sau khi tiến hành các thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng đất theo quy định, gia đình ông D đã giao toàn bộ thửa đất cho vợ chồng anh P quản lý, sử dụng. Gia đình ông D có nhà, đất ở nơi khác, không quản lý, canh tác thửa đất này. Ngoài ra, hai bên có thỏa thuận anh P cho gia đình ông D canh tác đất từ 1-2 năm, trong vòng một năm nếu anh P mua được thửa đất số 101 của ông D Nhựt Tân sẽ chia lại cho gia đình ông D một phần diện tích theo giá thương lượng để gia đình ông D di dời mồ mả ông bà, khi anh P và chị D có nhu cầu sử dụng đất thì sẽ thông báo trước cho gia đình ông D. Năm 2017, anh P tiến hành thi công xây dựng hàng rào trên thửa đất số 400, tờ bản đồ số 19 thì gia đình ông D đã dùng tài sản trên đất của anh P là trụ đá và lưới B40 kéo ra ngăn cản không cho anh P xây dựng phần đất gần khu mộ. Hiện nay lưới B40 đã bị tháo dỡ, còn 42 cây Mít của gia đình ông D trồng trên đất đã bị chết, bà H không có yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết mà chỉ kháng cáo yêu cầu Hội đồng xét xử hủy bản án sơ thẩm, hoặc xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, hủy một phần hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất đã được hai bên ký kết ngày 16/4/2015, buộc anh P và chị D phải giao cho gia đình ông D một phần diện tích đất của thửa 400 có giá trị tương đương số tiền bốn trăm triệu đồng hiện anh P chưa trả cho gia đình ông D.

Xét yêu cầu kháng cáo của bà H là không có căn cứ, bởi lẽ:

Thửa đất số 400, tờ bản đồ số 19, do anh P và chị D nhận chuyển nhượng của gia đình ông D theo hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 16/4/2015, đã được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tiền Giang công nhận quyền sử dụng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CD 459849, vào sổ cấp GCN:

CS03909 ngày 04/5/2016, nên anh P và chị D được thực hiện các quyền của chủ sử dụng đất theo quy định của pháp luật. Anh P, chị D tiến hành thi công xây dựng hàng rào trên thửa đất số 400 thuộc quyền sử dụng của anh chị là hoàn toàn phù hợp.

Việc ông D và các thành viên trong hộ gia đình ông D ngăn cản không cho anh P, chị D thi công xây dựng hàng rào trên thửa đất số 400, tự ý kéo lưới B40 rào lại một phần diện tích đất của thửa 400 và trồng cây trên thửa đất này là hành vi cản trở trái pháp luật đối với việc thực hiện quyền sử dụng đất của chủ sử dụng, nên theo quy định tại Điều 169 Bộ luật dân sự năm 2015 thì nguyên đơn có quyền yêu cầu gia đình ông D phải chấm dứt hành vi cản trở này.

Tại phiên tòa, bà H thừa nhận trong quá trình giải quyết vụ án ở cấp sơ thẩm, bà H, ông D không có yêu cầu phản tố; anh S, chị N và chị Q không có yêu cầu độc lập về việc tranh chấp quyền sử dụng đất hoặc tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất mặc dù đã được Tòa án giải thích, do đó Tòa án cấp sơ thẩm chỉ xem xét, giải quyết yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ.

Bà H và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà H còn cho rằng căn cứ vào “*Hợp đồng thỏa thuận ngày 18/02/2015*” giữa anh P và ông D (bl 06) thì anh P là người vi phạm thỏa thuận, hiện anh P còn giữ bốn trăm triệu đồng của gia đình bà, nên bà H yêu cầu Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, hủy một phần hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất đã được hai bên kí kết ngày 16/4/2015, đồng thời buộc anh P và chị D phải giao cho gia đình ông D một phần diện tích đất có giá trị tương đương bốn trăm triệu đồng trong tổng số tiền mua đất hiện anh P chưa trả hết cho gia đình ông D.

Xét yêu cầu nêu trên của bà H là không có cơ sở, vì như đã phân tích thì bà H, ông D và các thành viên trong hộ gia đình ông D không có yêu cầu phản tố hoặc yêu cầu độc lập về việc tranh chấp quyền sử dụng đất hoặc tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ở giai đoạn xét xử sơ thẩm nên yêu cầu này của bà H chưa được Tòa án cấp sơ thẩm xem xét, giải quyết. Do đó, để đảm bảo nguyên tắc xét xử hai cấp, Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu này của bà H.

Mặt khác, tại phiên tòa phúc thẩm, bà H đã thừa nhận số tiền bốn trăm triệu đồng anh P hiện chưa trả cho gia đình bà là do thỏa thuận của bên chuyển nhượng và bên nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất. Bà H cũng thừa nhận nội dung của “*Biên bản giao nhận tiền ngày 13/8/2016*” là chứng

cứ do anh P giao nộp, thừa nhận chữ viết và chữ ký của ông D chồng bà trong biên bản giao nhận này. Căn cứ vào chứng cứ do anh P giao nộp có nội dung vợ chồng ông D bàn giao đất và tài sản gắn liền trên đất kể từ ngày 13/8/2016 cho anh P, đồng thời vợ chồng ông D phải có trách nhiệm mua đất để di dời toàn bộ phần mộ ra khỏi thửa đất của anh P từ nay đến thanh minh 2017 (trong tháng 3 âm lịch 2017), số tiền bốn trăm triệu đồng còn lại sẽ thanh toán đợt cuối sau khi vợ chồng ông D hoàn tất việc di dời mồ mả ra khỏi đất trong thời gian quy định... Như vậy, căn cứ vào nội dung của biên bản giao nhận này thì gia đình ông D là người vi phạm thỏa thuận, do đó việc anh P, chị D khởi kiện yêu cầu gia đình ông D phải chấm dứt hành vi cản trở trái pháp luật đối với việc sử dụng đất của nguyên đơn là có căn cứ, phù hợp pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Từ những nhận định như đã nêu trên, Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị Hồng H; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Xét tranh luận của luật sư và đề nghị của kiểm sát viên tại phiên tòa không phù hợp với những nhận định nêu trên, không phù hợp pháp luật nên không được chấp nhận.

Về án phí: Do yêu cầu kháng cáo của bà H không được chấp nhận nên bà H phải chịu 300.000 đồng án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 308, khoản 1 Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự;
Căn cứ Điều 169 Bộ luật dân sự;

Căn cứ Điều 26, Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1/ -Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn Nguyễn Thị Hồng H.

Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 115/2018/DSST ngày 28/6/2018 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Thanh P và chị Lê Thị Mỹ D.

Buộc ông Hứa Văn D, bà Nguyễn Thị Hồng H, anh Hứa Văn S, chị Hứa Thị Hồng N, chị Nguyễn Thị Q phải chấm dứt hành vi cản trở trái pháp luật đối với việc anh Nguyễn Thanh P, chị Lê Thị Mỹ D thực hiện quyền của chủ sở

dụng đất đối với thửa đất số 400, tờ bản đồ số 19, tọa lạc ấp H, xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Ghi nhận sự tự nguyện của anh Nguyễn Thanh P và chị Lê Thị Mỹ D đồng ý giữ nguyên hiện trạng nhà mồ có diện tích 14,1m² nằm trong thửa đất số 400, tờ bản đồ số 19, tọa lạc ấp H, xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang (có sơ đồ đất kèm theo).

Buộc anh Nguyễn Thanh P và chị Lê Thị Mỹ D phải giao trả cho ông Hứa Văn D, bà Nguyễn Thị Hồng H, anh Hứa Văn S, chị Hứa Thị Hồng N, chị Nguyễn Thị Q số tiền 400.000.000 đồng (Bốn trăm triệu đồng) khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong bản án, nếu anh P và chị D chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền, thì hàng tháng còn phải chịu thêm tiền lãi của số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thi hành án. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật này.

2/ Về án phí: Buộc ông Hứa Văn D, bà Nguyễn Thị Hồng H, anh Hứa Văn S, chị Hứa Thị Hồng N, chị Nguyễn Thị Q liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng).

Bà Nguyễn Thị Hồng H còn phải chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự phúc thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 08980 ngày 10/7/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Anh Nguyễn Thanh P và chị Lê Thị Mỹ D phải chịu 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Anh P và chị D đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 07685 ngày 18/10/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Tiền Giang nên còn phải nộp thêm 19.700.000 đồng (mười chín triệu, bảy trăm ngàn đồng).

3/ Bản án có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Án tuyên lúc 08 giờ 00 phút ngày 17/10/2018, có mặt anh P, chị D, vắng bà H và luật sư Nguyễn Văn D.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại TP. HCM;
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND huyện C;
- Chi cục THADS C;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lưu Thị Thu Thủy

